

Số: -TTr/BCSD

Điện Biên, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Xin chủ trương trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2020 - 2025; Ban cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho chủ trương trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

## I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

### 1. Cơ sở pháp lý

Ngày 01/7/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ (Nghị định 20/2021/NĐ-CP) Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ (Nghị định 76/2024/NĐ-CP):

“3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương đảm bảo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

- Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;
- Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”.

### 2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó

khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Nghị quyết 09/2022/NQ-HĐND), theo đó: mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng và quy định 04 đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.

Từ tháng 8/2022 đến tháng 6/2024, toàn tỉnh đã thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên theo Nghị quyết 09/2022/NQ-HĐND cho 35.378 đối tượng, trong đó 647 đối tượng thuộc đối tượng khó khăn khác. Chính sách trợ giúp xã hội đã giúp các đối tượng người cao tuổi từ 75-80 tuổi và trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sống ở các vùng không thuộc vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh được bảo đảm an sinh xã hội, góp phần vào nâng cao đời sống của người dân; các đối tượng sống tại cơ sở bảo trợ xã hội đang học nghề, học chuyên nghiệp quá 22 tuổi được tiếp tục hỗ trợ và có cơ hội học tập tại các trường chuyên nghiệp, trường nghề cho đến khi tốt nghiệp nhằm ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Mặt khác, qua gần 02 năm thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị quyết 09/2022/NQ-HĐND, trên địa bàn tỉnh cho thấy còn đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi thuộc một trong các trường hợp sau cần được trợ giúp xã hội:

+ Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS;

+ Cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS;

+ Cha hoặc mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Xuất phát từ tình hình thực tế nêu trên, việc quy định bổ sung đối tượng khó khăn khác là đúng quy định và cần thiết, phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của một số nhóm đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh.

Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết (thay thế Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND) Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên là cần thiết và có cơ sở pháp lý, đảm bảo các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Điều chỉnh, bổ sung chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên (đối tượng chưa quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP); bảo đảm các đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng kịp thời mức chuẩn trợ giúp xã hội tăng mới theo quy định của Chính phủ, góp phần đảm bảo công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

Làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với

đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP.

## **2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng văn bản**

- Cụ thể hóa các quy định tại Điều 1 Nghị định 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 20/2021/NĐ-CP Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Việc xây dựng phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành. Chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định.

- Kịp thời bổ sung đối tượng còn khó khăn khác trên địa bàn tỉnh ngoài các đối tượng bảo trợ xã hội đã quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, không tác động xấu đến kinh tế - xã hội, không tăng thủ tục hành chính, không gây xáo trộn đời sống dân sinh.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-TTHĐND ngày 31/7/2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024. Theo đó chấp thuận xây dựng trình ban hành Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Thay thế Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên). UBND tỉnh đã giao Sở Lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đã gửi các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố để lấy ý kiến, hoàn thiện dự thảo. Sau khi đăng tải Dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và gửi công văn kèm Dự thảo xin ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số 1508/BC-STP ngày 27/8/2024 của Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, sửa đổi bổ sung trình UBND tỉnh.

Tiếp thu ý kiến tham gia của Lãnh đạo UBND tỉnh, các sở, ngành tại phiên họp thường kỳ tháng 9 (lần 1) năm 2022; Sở Lao động - Thương binh và xã hội đã hoàn thiện lại nội dung sau phiên họp trình UBND tỉnh. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo đúng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trước khi trình HĐND tỉnh phê duyệt ban hành.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

**A. Bố cục:** Dự thảo Nghị quyết được bố cục gồm 6 điều, cụ thể:

"Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Điều 3. Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác

Điều 4. Nguồn kinh phí đảm bảo

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành"

**B. Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

### **“1. Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Nghị định 20/2021/NĐ-CP; Nghị định 76/2024/NĐ-CP.

### **2. Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên chưa được quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP, gồm:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định sau:

a) Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định sau:

Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS;

Cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS;

Cha hoặc mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người nhiễm HIV/AIDS và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng (người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi là vợ, chồng, con của người cao tuổi).

c) Người cao tuổi từ đủ 75 đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc diện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang sống tại xã, phường, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

d) Trẻ em dưới 3 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 3 và 6 Điều 5 Nghị định 20/2021/NĐ-CP đang sống tại xã, phường, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

đ) Đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội đang học nghề; học các trường trung cấp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất nếu quá 22 tuổi thì tiếp tục được hưởng các chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội cho đến khi hoàn thành khoá học, nhưng không quá 25 tuổi.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

### **3. Điều 3. Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác**

1. Mức trợ cấp xã hội hằng tháng đối với đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này tại cộng đồng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 20/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định 76/2024/NĐ-CP nhân với hệ số quy định như sau:

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này:

- Hệ số 2,5 đối với đối tượng dưới 4 tuổi;
- Hệ số 1,5 đối với đối tượng từ đủ 4 tuổi trở lên.

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này:

- Hệ số 1,5 đối với đối tượng từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi;
- Hệ số 2,0 đối với đối tượng từ đủ 80 tuổi trở lên.

c) Hệ số 1,0 đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

d) Hệ số 1,5 đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng các mức theo các hệ số khác nhau quy định tại khoản này hoặc tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất. Riêng đối tượng hưởng theo điểm a khoản này đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang đi học văn hoá, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

2. Mức trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng đối với mỗi đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này sống tại cơ sở trợ giúp xã hội, bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 20/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định 76/2024/NĐ-CP nhân với hệ số 4.

3. Hỗ trợ chi phí mai táng:

a) Các đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng quy định tại khoản 1 Điều này khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng, mức hỗ trợ chi phí mai táng

bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 76/2024/NĐ-CP.

b) Các đối tượng hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng quy định tại khoản 2 Điều này khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng, mức hỗ trợ chi phí mai táng bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 76/2024/NĐ-CP.

Trường hợp đối tượng được hỗ trợ chi phí mai táng quy định tại nhiều văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

#### **4. Điều 4. Nguồn kinh phí đảm bảo**

1. Kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội: Đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc cấp nào thì do ngân sách cấp đó đảm bảo trong dự toán chi đảm bảo xã hội.

2. Kinh phí thực hiện trợ giúp xã hội cho những đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên chi từ nguồn ngân sách nhà nước được giao trong dự toán hằng năm của Ủy ban các huyện, thị xã, thành phố và cơ sở trợ giúp xã hội theo phân cấp dự toán ngân sách hiện hành.

#### **5. Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành Nghị quyết.

#### **6. Điều 6. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho chủ trương để Ban Cán sự Đảng lãnh đạo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐTBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX<sup>(PHN)</sup>.

**T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG**  
**BÍ THƯ**

**Lê Thành Đô**

